

VAI NÉT VỀ TRẬN LỤT NĂM 1978 Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

HOÀNG NIÊM

Viện Khí tượng thủy văn

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là đồng bằng rộng lớn nhất, có tiềm năng nông nghiệp quan trọng của nước ta. Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều mặt thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp nhưng cũng có lắm khó khăn. Khó khăn lớn nhất ở đây là thiếu nước ngọt trong mùa cạn và ngập lụt trong mùa mưa lũ. Nhiễm mặn và nhiễm phèn chiếm diện tích rất lớn trong mùa cạn (hơn 1/2 diện tích đồng bằng, trên 2 triệu ha). Lũ lụt thường xảy ra ở ĐBSCL. Trong vòng 25 năm lại đây có 4 trận lũ lớn, mỗi trận lũ gây ra ngập lụt trên hàng triệu héc ta. Năm 1978 sau 3 năm giải phóng miền Nam, ở ĐBSCL xảy ra trận lũ rất lớn. Tuy mới bước đầu triển khai tổ chức Tổng cục Khí tượng thủy văn (KTTV) đã kịp thời đo đạc và khảo sát trận lũ, thu thập số liệu KTTV về trận lũ lụt đó. Đầu tháng VIII/1978 Tổng cục KTTV đã cử một đoàn cán bộ tăng cường cho các Đài KTTV thành phố Hồ Chí Minh và ở ĐBSCL để tham gia làm dự báo KTTV, đo đạc và khảo sát thu thập số liệu KTTV. Riêng về khảo sát thực địa, một nhóm cán bộ đã khẩn trương tiến hành công việc theo chương trình định sẵn:

— Đối tượng khảo sát: mực nước lũ, ranh giới ngập lụt, độ sâu ngập, hướng nước chảy, vận tốc dòng nước v.v...

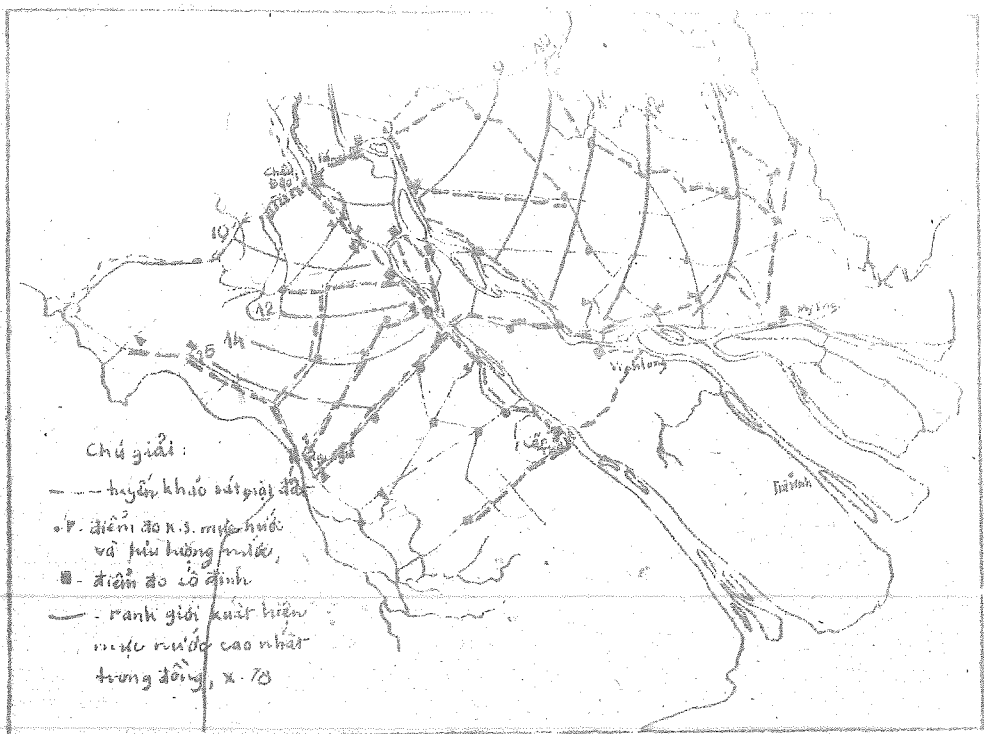
— Vùng khảo sát: chú trọng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên.

— Thời gian khảo sát: vào thời gian nước lũ và nước bắt đầu rút.

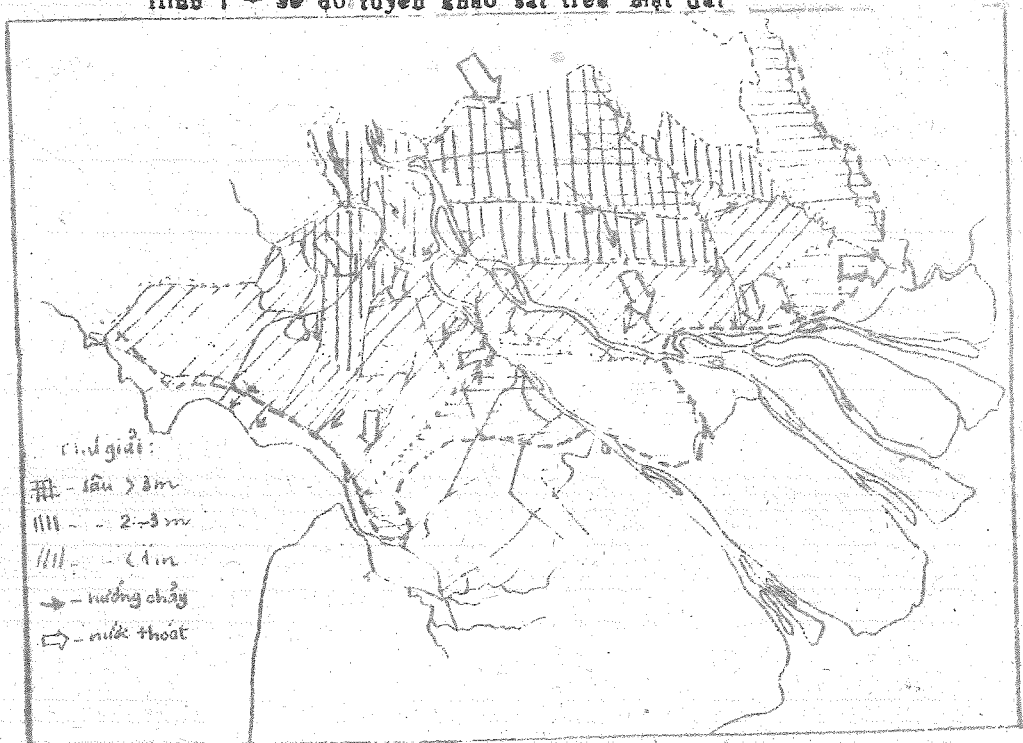
— Yêu cầu đạt được: mô tả tình hình nước lụt ở vùng ngập.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của địa phương nhóm khảo sát thực địa đã thực hiện tốt chương trình khảo sát. Đội khảo sát nhiều ngày công tác trên sông Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên và đi đến sát vùng biên giới Việt Nam - Campuchia (tuyến đường khảo sát được chỉ ra trên hình 1).

Số liệu khảo sát đã giúp cho mô tả tổng quát, tuy nhiên không chính xác như những số liệu đo đạc tại những trạm cố định. Ở đây, mực nước được đánh dấu (mực nước, thời gian) ở những nơi có công trình cố định dề vào mùa cạn có thể xác định độ cao trong hệ thống độ cao chung. Ở những điều kiện đặc trưng của các cánh đồng độ sâu ngập lụt, hướng nước chảy, vận tốc dòng chảy được đo đạc và ghi lên bản đồ tỷ lệ lớn. Ranh giới ngập lụt được xác định bằng quan sát từ máy bay khảo sát và liên kết với số liệu của các trạm đo đạc cố định thông qua phân tích địa hình trên bản đồ tỷ lệ lớn (kết quả được trình bày ở hình vẽ 2).



Hình 1 → Sơ đồ tuyến khảo sát trên mặt đất



Hình 2 → Vùng ngập lụt, hướng nước chảy

Trận lũ năm 1978 ở ĐBSCL là trận lũ lớn đáng ghi nhớ. Trên địa phận Việt Nam, do lũ ở thượng nguồn tràn về nhanh, ngày 17/VIII mực nước tại Tân Châu và Châu Đốc bắt đầu lên với cường suất 5 – 6cm/ngày: cường suất lớn nhất đạt 18cm/ngày tại Tân Châu vào ngày 21/VIII (lũ 1961 là 12 cm/ngày, lũ 1966: 13cm/ngày), tại Châu Đốc 14cm/ngày, tại Chợ Mới là 12cm/ngày, tại Long Xuyên là 15cm/ngày. Lũ lên nhanh và đạt tới đỉnh khá cao, đỉnh lũ thứ nhất trong năm tại Tân Châu là 4,88m, tại Châu Đốc là 4,22m. Đợt lũ thứ nhất này lên nhanh và ở mức nước cao, xuất hiện sớm hơn bình thường khoảng 1 tháng là một sự bất ngờ đối với nhân dân trong vùng, gây thiệt hại nhiều cho lúa hè thu.

Sau khi đạt tới đỉnh, con lũ thứ nhất bắt đầu rút xuống với cường suất nước rút trung bình 2cm/ngày. Vào tháng IX, đầu tháng X, do ảnh hưởng của các cơn bão số 7, 8, 9, trên lưu vực có mưa lớn, lũ ở thượng nguồn lên lại. Đến ngày 15/IX mực nước tại Tân Châu đã xuống được 39cm và ở Châu Đốc được 8cm (16/IX) thì bắt đầu lên lại với cường suất 4 – 5cm/ngày và đạt đến đỉnh cao nhất trong năm: tại Tân Châu 4,94m (9/X) xếp hạng thứ 5 về mực nước trong vòng 30 năm lại đây (sau 1943, 1961, 1966, 1984).

Tại Chợ Mới, $H_{\max} = 3,75\text{m}$ (9/X) xếp thứ 2 sau 1961, trong vòng 13 năm lại đây.

Tại Mộc Hóa, $H_{\max} = 3,00\text{m}$ (18/X), xếp hạng thứ 1 trong vòng 17 năm lại đây (vượt lũ 1961 14cm, vượt lũ 1966 7 cm).

Tại Châu Đốc, $H_{\max} = 4,49\text{m}$ (9/X) xếp hạng thứ 4 trong vòng 13 năm lại đây (thấp hơn lũ 1961 là 14cm, và lũ 1966 là 40cm).

Tại Long Xuyên, $H_{\max} = 2,89\text{m}$ (10/X) xếp hạng thứ 1 trong vòng 72 năm lại đây, do nước sông Tiền chảy qua Vàm Nao.

Sau đỉnh lũ lớn nhất này, mực nước lại rút xuống với cường suất 3 – 4cm/ngày và đến cuối tháng XI mới xuống đến mức bình thường (mức 3,0m ngày 23/XI tại Tân Châu).

Tính chất nghiêm trọng của trận lũ năm 1978 ở ĐBSCL là mực nước cao, xuất hiện sớm và duy trì dài ngày.

Tại Tân Châu với $H = 3,50\text{m}$ trong 93 ngày (1961: 91 ngày 1966: 51 ngày), trong đó $H = 4\text{m}$ trong 77 ngày, so với năm 1961 sớm hơn 45 ngày, và $H = 5,5\text{m}$ trong 58 ngày.

Đỉnh lũ 1978 ở Tân Châu, Châu Đốc thấp hơn đỉnh lũ 1961 và 1966 nhưng cường suất lớn 18cm/ngày, lũ 1961 là 13cm/ngày. Mực nước lũ của năm 1978 ở trong đồng cao và kéo dài là do nước sông Mê không mạnh, ảnh hưởng triều cường, đường sá tòn cao hơn trước (đường số 4, lộ Cái Sắn v.v...).

Do lũ lớn, kéo dài nhiều ngày, mưa tại chỗ lớn, lượng mưa của 2 tháng trước lũ khoảng 450mm (1961: 400mm, 1966: 350mm) nên diện tích ngập lụt lớn:

Ở Đồng Tháp Mười ngập sâu từ 2 – 3m, sâu hơn so với lũ 1961, 1966 là 20 – 40cm và kéo dài hơn đến 20 ngày.

Ở tứ giác Long Xuyên ngập sâu từ 1 – 2m.

Vùng giữa sông Tiền sông Hậu ngập sâu dưới 2m (xem hình 2). Ngập lụt kéo dài gây ra thiệt hại lớn, đặc biệt cho sản xuất nông nghiệp. Trận lũ

đã gây ra ngập lụt đến 1,4 triệu ha đất tự nhiên của đồng bằng, phần lớn ngập sâu trên 1m và kéo dài 2 tháng. Do lũ xảy ra sớm nên trong số 375000 ha lúa hè thu được gieo trồng ở 6 tỉnh nằm trong vùng ngập lụt thì đã có đến 100000 ha chưa chín kịp bị ngập làm cho khoảng 75000 ha bị mất hoàn toàn. Trận lũ đầu xuất hiện sớm lại có cường suất lên quá lớn so với bình thường nên lúa mùa không ngoi lên kịp, số nào ngoi lên được thì lại bị ngập trong cơn lũ sau. Trong số 763000 ha lúa mùa được gieo ở trong 6 tỉnh trong vùng thì có đến 300.000 ha bị ngập, trong đó trên 260000 ha bị mất trắng. Các vườn cây ăn quả ven sông bị thiệt hại nhiều, nhiều đường sá kho tàng bị hư hỏng nặng. Các thị trấn, thị xã bị ngập sâu, nhất là Mộc Hóa, Cao Lãnh rồi đến Hồng Ngự, Cay Mây, Sa Đéc, Cai Lậy v.v...

Trận lũ 1978 trên sông Cửu Long là trận lũ lớn về tổng lượng lũ, về diện tích ngập lụt, về độ sâu ngập lụt và về thời gian ngập lụt kéo dài, cường suất lũ lên nhanh và lũ xuất hiện sớm ở ĐBSCL, nhưng đây chưa phải là trận lũ hiếm thấy, cỡ lũ như vậy xảy ra trên sông Cửu Long trung bình 5—10 năm 1 lần.

Gần đây nhất, năm 1984 ở ĐBSCL đã xảy ra trận lụt lớn, vào cuối tháng VII và tháng VIII mưa lớn ở trung hạ lưu sông Mê Kông, ở Hạ Lào, Tây Nguyên và đông bắc Campuchia có lượng mưa từ 500 đến trên 1200mm (lượng mưa tháng VII và VIII ở Pleiku là 1669mm). Nước lũ ở thượng nguồn sông Mê Kông về cộng với nước mưa lớn đã gây ra lũ lớn. Trận lũ năm 1984 ở ĐBSCL cũng là trận lũ sớm, vào nửa đầu tháng IX, có cường suất lũ lên lớn, trung bình 10cm/ngày vào tháng VIII. Mức nước lên cao ở tuyến vào, tại Tân Châu mức nước đỉnh lũ là 4,96m (14/IX), cao hơn đỉnh lũ 1978 là 2 cm; tại Châu Đốc là 4,44m (15/IX), thấp hơn đỉnh lũ 1978 là 5cm. Về xuôi mức nước thấp hơn khá nhiều so với lũ 1978, từ 10 đến 50 cm. Mộc Hóa, điểm tiêu biểu của Đồng Tháp Mười, có mức nước cao nhất thấp hơn mức nước lũ 1978 là 34cm. Trận lũ 1984 ở ĐBSCL là trận lũ lớn gây ngập lụt trên diện rộng làm thiệt hại đến 30 vạn ha lúa, trong đó mất trắng vài vạn héc ta, nhiều tài sản của Nhà nước và nhân dân hư hỏng. Trận lụt này không ác liệt như trận lụt 1978, bởi lẽ mức nước trong đồng trước lũ không cao, mưa trong đồng không lớn như năm 1978. Lượng mưa trong đồng của 2 tháng trước lũ của năm 1984 so với năm 1978 kém thua từ 100 đến 300mm. Lũ 1984 không kéo dài như lũ 1978, thời gian duy trì mức nước lũ cao của 1984 chỉ bằng nửa thời gian so với lũ 1978. Mặt khác, công tác phòng chống lũ lụt có kinh nghiệm mọi sự chuẩn bị được tốt hơn trước.

Lũ ở ĐBSCL tuy hiền hòa, không hung dữ như lũ sông Hồng, nhưng vẫn là hàng đầu của các tai họa. Do đồng bằng bằng phẳng, mỗi trận lũ lớn xảy ra ở đây thường làm ngập hàng triệu héc ta đất kèm theo những tổn thất to lớn về kinh tế—xã hội. Vì vậy ở đây cần được coi trọng công tác nghiên cứu thủy văn đồng bằng. Một trong các nội dung quan trọng của công tác nghiên cứu thủy văn đồng bằng là đánh giá về lũ lụt, xác định các mức ngập lụt với các cấp nước đến khác nhau và tình hình nước lụt rút đi. Những mặt đó cần được đánh giá định lượng và tiến đến cho ra những dự báo tin cậy phục vụ kịp thời sản xuất và đời sống.